TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 721/2023/DS-PT
Ngày 17 - 10 - 2023
V/v "Yêu cầu chia di sản thừa kế, yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Minh

Ông Vương Minh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thanh Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Đỗ Thành Đạt - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 10 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai, vụ án thụ lý số: 353/2023/TLPT-DS ngày 22 tháng 6 năm 2023 về việc "Yêu cầu chia di sản thừa kế, yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2023/DS-ST ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2192/2023/QĐ-PT ngày 30 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 211/2023/QĐ-PT ngày 20 tháng 9 năm 2023 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2512/2023/QĐ-PT ngày 25 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị Bạch M, sinh năm 1954 (có mặt);

Địa chỉ: Số 293 (số cũ 111B), đường N, phường L, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng D (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 11/9/2023) (có mặt);

Địa chỉ: M20 đường T1, Phường X, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

- *Bị đơn có yêu cầu phản tố:*

1. Ông Phan Minh Đ, sinh năm 1952 (đã chết);

Địa chỉ: Số 293 (số cũ 111B), đường N, phường L, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đức:

1.1. Bà Phan Vũ Minh T2, sinh năm 1983 (vắng mặt);

1.2. Ông Phan Phúc T3, sinh năm 1987 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Xóm 1, thôn 1, xã M1, huyện T4, tỉnh Bình Thuận.

Địa chỉ liên hệ: Phòng 12.11, chung cư T5, đường C, phường T5, thành phố T6, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3. Ông Phan Công T7, sinh năm 1985 (có mặt);

Địa chỉ: Xóm 1, thôn 1, xã M1, huyện T4, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phan Vũ Minh T2, ông Phan Phúc T3, Ông Phan Công T7: Ông Phan Minh T8, sinh năm 1958 (có mặt);

Địa chỉ: Số 293 (số cũ 111B), đường N, phường L, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

2. Ông Phan Minh T8, sinh năm 1958 (có mặt);

Địa chỉ: Số 293 (số cũ 111B), đường N, phường L, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

3. Bà Phan Thị Mai D, sinh năm 1960 (có mặt);

Địa chỉ: Số 113, đường T9, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của bà D: Ông Lê Văn K(Theo Giấy ủy quyền ngày 15/9/2023) (có mặt);

Địa chỉ: Số 9/16, đường N1, Tổ 4, phường P1 thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

4. Ông Phan Minh H, sinh năm 1962 (có mặt);

Địa chỉ: Số 39/26, đường V, khu phố 9, phường B, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

5. Bà Phan Thị Hồng N2, sinh năm 1964 (vắng mặt);

Địa chỉ: 5711 S 129TH ST #22 S, WA 98178, USA.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N2: Bà Phan Thị Mai D, sinh năm 1960 (có mặt);

Địa chỉ: Số 113 , đường T9, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

6. Ông Phan Minh H1, sinh năm 1970 (có mặt);

Địa chỉ: khu phố 2, phường H2, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị N3, sinh năm 1966 (vắng mặt);

Địa chỉ: Gartenstrasse 2,54595 G W Germany.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N3: Ông Phan Minh H, sinh năm 1962 (có mặt);

Địa chỉ: Số 39/26, đường V, khu phố 9, phường B, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

2. Ông Phan Minh K, sinh năm 1994 (vắng mặt);

Địa chỉ: Gartenstrasse 2,54595 G W Germany.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Kđể nhận các văn bản tố tụng của Tòa án: Bà Phan Thị Bạch M, sinh năm 1954 (có mặt);

Địa chỉ: Số 293 (số cũ 111B), đường N, phường L, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

3. Bà Phan Nguyễn Gia M2, sinh năm 1991 (vắng mặt);

Địa chỉ: Gartenstrasse 2,54595 G W Germany.

Người đại diện theo ủy quyền của bà M2: Bà Phan Vũ Minh X1, sinh năm 1975 (có mặt);

Địa chỉ: Số 293 (số cũ 111B), đường N, phường L, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

4. Ông Nguyễn Hữu H3, sinh năm 1954 (có mặt);

Địa chỉ: Số 293 (số cũ 111B), đường N, phường L, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

5. Phòng Công chứng Z- tỉnh Bình Thuận

Người đại diện theo pháp luật: Trưởng Phòng Công chứng Z- tỉnh Bình Thuận (có đơn xin xét xử vắng mặt).

6. Bà Phan Vũ Minh X1, sinh năm 1975 (có mặt);

7. Ông Nguyễn Thế L1, sinh năm 1986 (xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số 293 (số cũ 111B), đường N, phường L, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

- *Người kháng cáo:* Ông Phan Minh T8, bà Phan Thị Mai D và ông Phan Minh H là các bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phan Thị Bạch M trình bày:

Cha mẹ bà là cụ Phan Văn Q, sinh năm 1920 và cụ Nguyễn Thị C1, sinh năm 1927 có tạo dựng khối tài sản chung gồm nhà và đất tọa lạc tại địa chỉ 293

(số cũ 111B) đường N, khu phố 5, phường L, thành phố P, Bình Thuận, theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở số 8478 do Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) tỉnh Bình Thuận cấp ngày 08/11/2004 ghi tên ông Phan Văn Q và bà Nguyễn Thị C1 (chết) có diện tích xây dựng 87,77m^2, diện tích sử dụng 112,98m^2 và diện tích đất 118,75m^2.

Cụ Nguyễn Thị C1 chết ngày 27/8/1992, không để lại di chúc. Ngày 06/5/2008, tại Phòng Công chứng Z- tỉnh Bình Thuận, cụ Phan Văn Q có lập văn bản di chúc có nội dung cho bà Phan Thị Bạch M được hưởng phần di sản của cụ Qđối với khối tài sản trên. Ngày 09/8/2010, cụ Phan Văn Q chết.

Cụ Phan Văn Q và cụ Nguyễn Thị C1 có 08 người con gồm: Ông Phan Minh Đ, sinh năm 1952; bà Phan Thị Bạch M, sinh năm 1954; ông Phan Minh T8, sinh năm 1958; bà Phan Thị Mai D, sinh năm 1960; ông Phan Minh H, sinh năm 1962; bà Phan Thị Hồng N2, sinh năm 1964; ông Phan Minh H1, sinh năm 1972; ông Phan Minh H4, sinh năm 1968, chết ngày 14/10/2010, trước khi qua đời ông Phan Minh H4 có vợ là bà Nguyễn Thị N3, sinh ngày 08/12/1966, đã ly hôn ngày 10/11/2006 và 02 con Phan Nguyễn Gia M2, sinh ngày 14/12/1991, Phan Minh K, sinh ngày 14/3/1994.

Bà yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế là căn nhà và đất của cụ Phan Văn Q và cụ Nguyễn Thị C1 và chia theo di chúc được lập ngày 06/5/2008 của cụ Phan Văn Q. Bà yêu cầu nhận nhà, đất và hoàn lại tiền cho tất cả các đồng thừa kế khác.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phan Minh Đ, ông Phan Minh T8, bà Phan Thị Mai D, ông Phan Minh H, ông Phan Minh H1 có yêu cầu phản tố, trình bày:

Các bị đơn thống nhất di sản thừa kế và hàng thừa kế của cụ Phan Văn Q và cụ Nguyễn Thị C1 như nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên, các bị đơn cho rằng di chúc ngày 06/5/2008 của cụ Phan Văn Q tại Phòng Công chứng Z- tỉnh Bình Thuận có vi phạm pháp luật về nội dung, hình thức và bị giả mạo. Do đó, các bị đơn có yêu cầu phản tố, đề nghị Tòa án tuyên bố bản di chúc ngày 06/5/2008 của cụ Phan Văn Q được lập tại Phòng Công chứng Z- tỉnh Bình Thuận là vô hiệu. Ngoài ra, các bị đơn mong muốn theo nguyện vọng của cụ Phan Văn Q và nguyện vọng của tất cả anh em là muốn để căn nhà này làm nơi thờ cúng ông bà. Do vậy các bị đơn đề nghị Tòa án không chấp nhận đơn khởi kiện của bà Mai.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Phan Thị Hồng N2 không có yêu cầu phản tố, trình bày: Thống nhất như lời trình bày của các bị đơn.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N3 do người đại diện theo ủy quyền ông Phan Minh H trình bày: Thống nhất như lời trình bày của các bị đơn.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Minh K trình bày: Thống nhất về hàng thừa kế và nguồn gốc di sản của cụ Quyến, cụ C1 như lời trình bày của nguyên đơn.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Nguyễn Gia M2 do người đại diện theo ủy quyền bà Phan Vũ Minh X1 trình bày: Thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn về nguồn gốc di sản cũng như các hàng thừa kế.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu H3 trình bày: Ông là chồng của bà Phan Thị Bạch M, ông chung sống với bà Mtại căn nhà của cụ Q và cụ C1 từ trước đến nay, vợ chồng ông đã bỏ tiền xây dựng căn nhà phía trước, tường rào và đổ nền sân nhà. Toàn bộ phần diện tích đất xung quanh và căn nhà có gác phía sau là di sản.Thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn yêu cầu chia theo di chúc mà cụ Qđã lập.

Quá trình giải quyết vụ án, tại Văn bản số 79/CV-PCC ngày 14/5/2021 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phòng Công chứng Z- tỉnh Bình Thuận trình bày: Bản di chúc do ông Phan Văn Q lập ngày 06/5/2008, số công chứng 384, quyển số 02TP/CC-SCC/HĐGD được Công chứng viên Phòng Công chứng Z- tỉnh Bình Thuận chứng nhận đúng theo trình tự thủ tục quy định của pháp luật về công chứng.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Vũ Minh X1 trình bày: Bà là con của ông Nguyễn Hữu H3 và bà Phan Thị Bạch M và đang sống cùng với cha mẹ trên căn nhà hiện nay là di sản thừa kế, bà không có công sức đóng góp gì đối với di sản. Bà thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thế L1 trình bày: Ông là con của ông Nguyễn Hữu H3 và bà Phan Thị Bạch M, trước đây ông sống cùng với cha mẹ trên căn nhà hiện nay là di sản thừa kế, có tên trong sổ hộ khẩu gia đình nhưng hiện nay ông có gia đình ở chỗ khác, thỉnh thoảng đi về, ông không có công sức đóng góp gì đối với di sản. Thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2023/DS-ST ngày 05/4/2023, Quyết định sửa chữa bổ sung bản án số 02/QĐ-SCBSBA ngày 28/4/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Bạch M về việc chia di sản thừa kế của cụ Phan Văn Q và cụ Nguyễn Thị C1.

Chia cho bà Phan Thị Bạch M được quyền sở hữu và sử dụng toàn bộ khối di sản của cụ Phan Văn Q và cụ Nguyễn Thị C1 gồm: Quyền sử dụng đất 143,7m^2 và tài sản trên đất gồm nhà cấp 4 phía trước, nhà cấp 4 phía sau, cổng tường rào, sân nền theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở số 8478 do UBND tỉnh Bình Thuận cấp ngày 08/11/2004 ghi tên ông Phan Văn Q và bà Nguyễn Thị C1 (chết). Tổng giá trị di sản thừa kế là: 3.802.694.000 đồng.

Bà Phan Thị Bạch M có quyền và nghĩa vụ liên hệ các Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất và nhà ở theo quy định pháp luật.

Bà Phan Thị Bạch M có nghĩa vụ thanh toán cho những đồng thừa kế số tiền 1.901.347.000 đồng cụ thể như sau:

+ Ông Phan Minh T8: 271.621.000 đồng

+ Bà Phan Thị Mai D: 271.621.000 đồng

+ Ông Phan Minh H: 271.621.000 đồng

+ Bà Phan Thị Hồng N2: 271.621.000 đồng

+ Ông Phan Minh H1: 271.621.000 đồng

+ Bà Phan Vũ Minh T2: 90.540.000 đồng;

+ Ông Phan Công T7: 90.540.000 đồng;

+ Ông Phan Phúc T3: 90.540.000 đồng;

+ Bà Phan Nguyễn Gia M2: 135.810.000 đồng;

+ Ông Phan Minh K: 135.810.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của các bị đơn ông Phan Minh Đ, ông Phan Minh T8, bà Phan Thị Mai D, ông Phan Minh H, ông Phan Minh H1 về việc tuyên bố bản di chúc ngày 06/5/2008 của cụ Phan Văn Q được lập tại Phòng Công chứng Z- tỉnh Bình Thuận là vô hiệu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 17/4/2023 Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận nhận đơn kháng cáo của các bị đơn là ông Phan Minh T8, bà Phan Thị Mai D và ông Phan Minh H kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị sửa án, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Phan Minh T8, bà Phan Thị Mai D và ông Phan Minh H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ông K đại diện cho bà D trình bày: Nội dung di chúc bị đơn nghi ngờ là giả tạo, văn vẻ của di chúc. Cụ có 05 con trai và 03 con gái, trước lúc cụ mất thì nhà có nhiều người ở. Có hai bản di chúc ký hiệu A1, A2. Chưa giám định chữ ký của cụ, mặc dù có kết luận giám định. Ngón trỏ trái cụ đã mất. Cơ quan di

chúc thừa nhận có sai sót nên bị đơn mong muốn chia thừa kế theo luật cho bị đơn được quản lý tài sản.

Ông T8 trình bày: Ông nghi ngờ di chúc là giả tạo do văn phong của di chúc, lỗi chính tả, nội dung người hưởng, công bố di chúc, có ghi thêm, lời công chứng nên ông yêu cầu chia di chúc theo pháp luật, xin miễn án phí vì người cao tuổi.

Ông H trình bày: Di chúc, người tới làm công chứng không kê khai hộ khẩu, mẹ chết năm 1982 ghi năm 1990, đánh sai diện tích, sai chính tả nên ông không đồng ý di chúc, đề nghị chia thừa kế theo pháp luật, xin miễn án phí vì người cao tuổi.

Ông K đại diện cho bà D trình bày: Tất cả bị đơn có sự nghi ngờ di chúc. Di chúc không có thật vì văn phong của di chúc. Cụ ông nói rất phủ phàng khi nói không có công sức của vợ, chữ ký không đủ căn cứ xác định của ông. Dấu vân tay phải làm rõ cụ có đến công chứng hay không, lấy dấu vân tay thời gian nào? Văn phòng công chứng không đồng ý cung cấp sổ bộ, cách thức công bố di chúc. Khi còn sống, cụ thương các con. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét di chúc cho khách quan, cho các bị đơn được hưởng di sản làm di sản văn hóa của gia đình. Bị đơn góp tiền cho nguyên đơn mua nhà ở nơi khác.

Đại diện nguyên đơn trình bày: bản di chúc chứng thực, có số đăng ký vào sổ, ngón trỏ trái bị mất nhưng ngón trỏ phải vẫn là dấu vân tay của ông Q. Nếu xem hình thì dấu vân tay vẫn là của ông Q nhưng là ngón giữa, không phải ngón trỏ trái, Di chúc ông Q làm có luật sư của ông Q, tự nguyện, có giấy khám sức khỏe. Căn nhà trước không có sự đóng góp của vợ ông Q mà bà M bỏ tiền ra làm hàng rào, sân nền. Việc sai sót chỉ là cẩu thả.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nội dung:

Di chúc ngày 06/5/2008 có ngón trỏ trái của cụ Q nhưng ngón trỏ trái không còn do tai nạn. Cụ Q còn có ngón trỏ phải, theo kết quả giám định là dấu vấn tay của cụ Q. Thông tin sai sót về cụ C1, diện tích xây dựng nhà không ảnh hưởng đến nội dung di chúc. Cụ Qcòn minh mẫn tự đi làm di chúc. Di chúc hợp pháp. Cụ C1 chết trước khi cụ Qlàm di chúc. Bà M được hưởng thừa kế theo di chúc, thừa kế của cụ C1 và phần của cụ Q được hưởng của cụ C1. Bà M từ chối, chỉ nhận thừa kế theo di chúc của cụ Q, không trái pháp luật, có lợi cho các đương sự. Tòa án cấp sơ thẩm xem xét đầy đủ tình tiết nội dung của vụ án. Các đương sự kháng cáo không có gì mới. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các đương sự được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định.

[2] Xét kháng cáo của ông Phan Minh T8, bà Phan Thị Mai D và ông Phan Minh H là các bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Cụ Nguyễn Thị C1 chết ngày 27/8/1992, cụ Phan Văn Q chết ngày 09/08/2010. Cụ Phan Văn Q và cụ Nguyễn Thị C1 có 08 người con gồm:

- Ông Phan Minh Đ, sinh năm 1952, (chết ngày 15 tháng 9 năm 2019 - theo trích lục khai tử số 171/2019/TLKT-BS ngày 18/9/2019), là chết sau cụ Nguyễn Thị C1 và cụ Phan Văn Q. Trước khi chết, ông Phan Minh Đ có vợ là bà Võ Thị Đào T10, sinh năm 1962, đã ly hôn ngày 05/7/2011 và 03 con là bà Phan Vũ Minh T2, sinh năm 1983; Ông Phan Công T7, sinh năm 1985; ông Phan Phúc T3, sinh năm 1987.

- Bà Phan Thị Bạch M, sinh năm 1954;

- Ông Phan Minh T8, sinh năm 1958;

- Bà Phan Thị Mai D, sinh năm 1960;

- Ông Phan Minh H, sinh năm 1962;

- Bà Phan Thị Hồng N2, sinh năm 1964;

- Ông Phan Minh H1, sinh năm 1972;

- Ông Phan Minh H4, sinh năm 1968, (chết ngày 14 tháng 10 năm 2010), là chết sau cụ Nguyễn Thị C1 và cụ Phan Văn Q. Trước khi chết, ông Phan Minh H4 có vợ là Nguyễn Thị N3, sinh ngày 08/12/1966, đã ly hôn ngày 10/11/2006 và 02 con Phan Nguyễn Gia M2, sinh ngày 14/12/1991, Phan Minh K, sinh ngày 14/3/1994.

[2.2] Các đương sự thống nhất cụ Phan Văn Q, sinh năm 1920 và cụ Nguyễn Thị C1, sinh năm 1927 có tạo dựng khối tài sản chung gồm nhà và đất tọa lạc tại địa chỉ số 293 (số cũ 111B), đường N, khu phố 5, phường L, thành phố P, Bình Thuận, theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở số 8478 do UBND tỉnh Bình Thuận cấp ngày 08/11/2004 ghi tên ông Phan Văn Q và bà Nguyễn Thị C1 (chết). Các đương sự đều xác định di sản là căn nhà và đất trên, ngoài ra không yêu cầu phân chia di sản nào khác.

[2.3] Các đồng thừa kế đều xác định di sản là vật dụng gồm bàn, tủ thờ không yêu cầu chia thừa kế mà giao cho người quản lý căn nhà tiếp tục sử dụng.

Các đồng thừa kế thống nhất giá trị của di sản do Công ty TNHH Định giá Châu Á lập ngày 15/9/2022, không yêu cầu thẩm định lại giá trị di sản và xác

định các tài sản trên đất bao gồm nhà cấp 4 phía trước trị giá 123.006.000 đồng, sân nền trị giá 3.304.000 đồng, cổng tường rào 3.900.000 đồng là do vợ chồng bà Phan Thị Bạch M và ông Nguyễn Hữu H3 xây dựng, không phải là di sản thừa kế của cụ Phan Văn Q và cụ Nguyễn Thị C1 để lại. Như vậy, tổng giá trị di sản thừa kế là 3.802.694.000 đồng.

[2.4] Cụ Phan Văn Q có lập bản di chúc ngày 06/5/2008, được chứng thực tại Phòng Công chứng Z- tỉnh Bình Thuận, nội dung di chúc thể hiện nguyện vọng của cụ Q là để lại căn nhà và đất tọa lạc tại địa chỉ số 293 (số cũ 111B), đường N, khu phố 5, phường L, thành phố P, Bình Thuận, theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở số 8478 do UBND tỉnh Bình Thuận cấp ngày 08/11/2004 ghi tên ông Phan Văn Q và bà Nguyễn Thị C1 (chết) cho bà Phan Thị Bạch M.

Các bị đơn cho rằng di chúc lập ngày 06/5/2008 của cụ Phan Văn Q tại Phòng Công chứng Z- tỉnh Bình Thuận nói trên có vi phạm pháp luật về nội dung, hình thức và bị bà Phan Thị Minh X1 ký giả mạo nên đề nghị giám định chữ ký, chữ viết của cụ Phan Văn Q trên bản di chúc.

Tuy nhiên, Kết luận giám định số 982/KLGĐ-PC54 ngày 06/12/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Thuận kết luận:

- Dấu vân tay màu đỏ in trên các tài liệu cần giám định (bản di chúc ngày 06/5/2008) so với dấu vân tay in trên tài liệu mẫu so sánh (bản sao y bản chính tờ khai chứng minh nhân dân của người đứng tên Phan Văn Q lập ngày 16/3/1978) là vân tay của cùng một người in ra.

- Chữ viết họ tên "Phan Văn Q" trên tài liệu cần giám định so với chữ viết trên các tài liệu mẫu so sánh (biên bản lấy lời khai, biên bản lấy mẫu chữ ký, chữ viết của bà Phan Vũ Minh X1) là không phải do cùng một người viết.

- Không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên Phan Văn Q trên tài liệu cần giám định so với chữ ký trên các tài liệu mẫu so sánh có phải do cùng một người ký hay không.

Tại Kết luận giám định lại số 2331/C09B ngày 13/6/2019 của Phân viện Khoa học hình sự - Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh cũng khẳng định chữ ký dạng chữ viết "Quyến" trên 02 bản di chúc ngày 06/5/2008 so với chữ viết đứng tên Phan Vũ Minh X1 trên các tài liệu mẫu so sánh không phải do cùng một người ký ra và không đủ cơ sở kết luận chữ viết "Phan Văn Q" trên 02 bản di chúc ngày 06/5/2008 so với chữ viết đứng tên Phan Vũ Minh X1 trên các tài liệu mẫu so sánh có phải do cùng một người viết ra hay không.

Tòa án cấp sơ thẩm yêu cầu bị đơn cung cấp chứng cứ về chữ ký, chữ viết của cụ Q cùng thời điểm để lại di chúc (năm 2010) hoặc những năm gần nhất nhưng bị đơn không cung cấp được, do đó không thể có mẫu so sánh để giám định chữ ký, chữ viết của cụ Q.

Di chúc được công chứng, chứng thực tại Phòng Công chứng Z- tỉnh Bình Thuận, mặc dù di chúc thể hiện có chỉ điểm ngón trỏ trái của cụ Q(thực tế năm 2010 ngón tay trỏ trái không còn do tai nạn lao động) nhưng vẫn còn ngón trỏ phải phù hợp với kết quả giám định tại Kết luận giám định số 982/KLGĐ-PC54 ngày 06/12/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Thuận đã khẳng định dấu vân tay màu đỏ in trên bản di chúc ngày 06/5/2008 so với dấu vân tay in trên bản sao y bản chính tờ khai chứng minh nhân dân của người đứng tên Phan Văn Q lập ngày 16/3/1978, là vân tay của cùng một người in ra. Ngoài ra, các thông tin sai số về thông tin năm mất của cụ Nguyễn Thị C1, diện tích xây dựng không đúng với giấy chứng nhận sở hữu nhà được thể hiện trên di chúc, những nội dung trên cũng không làm thay đổi ý chí của cụ Q trước khi chết là giao phần di sản của cụ được hưởng cho bà Phan Thị Bạch M.

Không có việc giả mạo di chúc như các bị đơn trình bày, bản di chúc được lập ngày 06/5/2008 của cụ Phan Văn Q, được chứng thực tại Phòng Công chứng Z- tỉnh Bình Thuận là có thật, tuân thủ về hình thức, nội dung di chúc không trái pháp luật, đạo đức xã hội, thể hiện ý chí, nguyện vọng của cụ Phan Văn Q là để lại phần di sản thừa kế của cụ Phan Văn Q cho bà Phan Thị Bạch M, đây là di chúc hợp pháp theo quy định tại Điều 652 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Do đó, ông T8, bà Mai D và ông Minh H kháng cáo cho rằng di chúc vô hiệu bởi có vi phạm pháp luật về nội dung, hình thức và bị giả mạo là không có cơ sở.

Riêng phần di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị C1, do cụ Nguyễn Thị C1 đã chết trước khi cụ Phan Văn Q lập bản di chúc ngày 06/5/2008 nên bà Phan Thị Bạch M được quyền hưởng thừa kế theo bản di chúc ngày 06/5/2008 đối với phần di sản của cụ Phan Văn Q, còn phần di sản của cụ Nguyễn Thị C1 được chia theo pháp luật. Khi chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị C1 theo quy định pháp luật thì cụ Phan Văn Q và các người con được hưởng phần di sản bằng nhau, do cụ Phan Văn Q chết có để lại di chúc (giao phần tài sản mình được hưởng cho bà Mai) nên bà Mđược hưởng phần thừa kế của cụ Quyến, đối với di sản theo phần của cụ Q hưởng thừa kế từ cụ C1 được chia cho bà M và xem xét đến việc bà Phan Thị Bạch M là người trực tiếp bỏ công sức quản lý, bảo quản gìn giữ, di sản. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm bà Phan Thị Bạch M từ chối nhận phần thừa kế di sản được hưởng từ cụ C1, phần của cụ Q nhận được từ di sản của cụ C1 và cả công sức quản lý, bảo quản gìn giữ, di sản, bà Phan Thị Bạch M chỉ yêu cầu được nhận ½ giá trị căn nhà và đất sau khi trừ các khoản đóng góp xây dựng do vợ chồng bà đã bỏ ra, giá trị di sản các phần còn lại bà giao cho các đồng thừa kế khác. Việc từ chối nhận một phần di sản được hưởng do bà Phan Thị Bạch M tự nguyện và không trái đạo đức, đúng quy định pháp luật.

[2.5] Do bà Phan Thị Bạch M là người được hưởng di sản thừa kế theo di chúc của cụ Phan Văn Q nên được hưởng ½ giá trị khối tài sản chung của cụ Phan Văn Q và cụ Nguyễn Thị C1, là 3.802.694.000 đồng: ½ = 1.901.347.000 đồng.

Phần di sản trị giá 1.901.347.000 đồng của cụ Nguyễn Thị C1 sẽ được chia đều cho 09 người thừa kế thuộc hàng thứ nhất gồm: Cụ Phan Văn Q; ông Phan Minh Đ; bà Phan Thị Bạch M; ông Phan Minh T8; bà Phan Thị Mai D; ông Phan Minh H; bà Phan Thị Hồng N2; ông Phan Minh H1; ông Phan Minh H4. Do bà Phan Thị Bạch M từ chối nhận phần di sản được hưởng từ phần của ông Q và phần của bà M nên phần di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị C1 được chia làm 07 phần. Như vậy mỗi người sẽ được hưởng di sản trị giá: 1.901.347.000đồng: 7 phần = 271.621.000 đồng.

Do ông Phan Minh Đ đã chết nên bà Phan Vũ Minh T2, Ông Phan Công T7, ông Phan Phúc T3 là người thừa kế chuyển tiếp của ông Phan Minh Đ, mỗi người được hưởng phần di sản của ông Đức, trị giá: 271.621.000 đồng : 03 = 90.540.000 đồng.

Do ông Phan Minh H4 đã chết nên bà Phan Nguyễn Gia M2, ông Phan Minh K là người thừa kế chuyển tiếp của ông Phan Minh H4, mỗi người được hưởng phần di sản của ông Hà, trị giá: 271.621.000đồng : 02 = 135.810.500 đồng.

Như vậy, tổng phần giá trị di sản bà Phan Thị Bạch M được hưởng là: 1.901.347.000 đồng.

[2.6] Do bà Phan Thị Bạch M cùng gia đình đang quản lý và sinh sống tại căn nhà và đất này, các đồng thừa kế khác cũng đã có chỗ ở ổn định và đồng ý nếu chia thừa kế theo quy định pháp luật thì giao căn nhà và đất trên cho bà M tiếp tục sử dụng.

Tòa án cấp sơ thẩm giao căn nhà, tài sản trên đất và diện tích đất này cho bà Phan Thị Bạch M được quyền sử dụng và định đoạt là đúng theo nguyện vọng của các đồng thừa kế. Bà Phan Thị Bạch M phải hoàn trả giá trị bằng tiền cho các đồng thừa kế gồm bà Phan Vũ Minh T2, Ông Phan Công T7, ông Phan Phúc T3; ông Phan Minh T8; bà Phan Thị Mai D; ông Phan Minh H; bà Phan Thị Hồng N2; ông Phan Minh H1; bà Phan Nguyễn Gia M2, ông Phan Minh K với số tiền mà các ông bà được hưởng theo phần như trên.

Bà Phan Thị Bạch M có quyền và nghĩa vụ liên hệ các Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất và nhà ở theo quy định pháp luật.

[3] Từ những phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá toàn diện các chứng cứ, xét xử đúng pháp luật. Kháng cáo của các bị đơn là ông T8, bà Mai D và ông Minh H không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông T8, bà Mai D và ông Minh H. Ông T8, bà Mai D và ông Minh H là người cao tuổi, không làm đơn xin miễn án phí nên Tòa án cấp sơ thẩm không xét miễn án phí. Tại cấp phúc thẩm ông T8, bà Mai D và ông Minh H có đơn xin miễn án phí và trình bày tại phiên tòa phúc thẩm xin miễn án phí vì là người cao tuổi. Vì vậy, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận phần yêu cầu này của ông T8, bà Mai D và ông Minh H, sửa án sơ thẩm về án phí.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông T8, bà Mai D và ông Minh H là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 5, khoản 11 Điều 26, Điều 37, Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 470 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 652 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 35, Điều 40, Điều 41, Điều 48 của Luật Công chứng năm 2006;

Căn cứ khoản 1 Điều 611, khoản 1 Điều 623 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 12, Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Phan Minh T8, bà Phan Thị Mai D và ông Phan Minh H.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2023/DS-ST ngày 05/4/2023, Quyết định sửa chữa bổ sung bản án số 02/QĐ-SCBSBA ngày 28/4/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận về án phí:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Bạch M về việc chia di sản thừa kế của cụ Phan Văn Q và cụ Nguyễn Thị C1.

Chia cho bà Phan Thị Bạch M được quyền sở hữu và sử dụng toàn bộ khối di sản của cụ Phan Văn Q và cụ Nguyễn Thị C1 gồm: Quyền sử dụng đất 143,7m^2 và tài sản trên đất gồm nhà cấp 4 phía trước, nhà cấp 4 phía sau, cổng tường rào, sân nền theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở số 8478 do UBND tỉnh Bình Thuận cấp ngày 08/11/2004 ghi tên ông Phan Văn Q và bà Nguyễn Thị C1 (chết). Tổng giá trị di sản thừa kế là: 3.802.694.000 đồng.

Bà Phan Thị Bạch M có quyền và nghĩa vụ liên hệ các Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất và nhà ở theo quy định pháp luật.

Bà Phan Thị Bạch M có nghĩa vụ thanh toán cho những đồng thừa kế số tiền 1.901.347.000 đồng cụ thể như sau: Ông Phan Minh T8, bà Phan Thị Mai D, ông Phan Minh H, bà Phan Thị Hồng N2 và ông Phan Minh H1 mỗi người là 271.621.000 đồng

Bà Phan Vũ Minh T2, Ông Phan Công T7 và ông Phan Phúc T3 mỗi người là 90.540.000 đồng;

Bà Phan Nguyễn Gia M2 và ông Phan Minh K mỗi người là 135.810.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của các bị đơn ông Phan Minh Đ, ông Phan Minh T8, bà Phan Thị Mai D, ông Phan Minh H, ông Phan Minh H1 về việc tuyên bố bản di chúc ngày 06/5/2008 của cụ Phan Văn Q được lập tại Phòng Công chứng Z- tỉnh Bình Thuận là vô hiệu.

3. Về chi phí tố tụng:

Bà Phan Thị Bạch M phải chịu các chi phí tố tụng là 33.449.500 đồng. Bà Mđã nộp đủ nên không phải nộp nữa.

Ông Phan Minh H, bà Phan Thị Hồng N2, ông Phan Minh H1, mỗi người phải hoàn trả số tiền 4.776.350 đồng chi phí tố tụng cho bà Phan Thị Bạch M.

Bà Phan Thị Mai D phải hoàn trả số tiền 1.206.500 đồng chi phí tố tụng cho bà Phan Thị Bạch M.

Ông Phan Minh T8 phải hoàn trả số tiền 3.456.500 đồng chi phí tố tụng cho bà Phan Thị Bạch M.

Bà Phan Nguyễn Gia M2, ông Phan Minh K phải hoàn trả số tiền 4.776.350 đồng chi phí tố tụng cho bà Phan Thị Bạch M, liên đới chia mỗi người phải hoàn trả 2.388.000 đồng.

Bà Phan Vũ Minh T2, Ông Phan Công T7, ông Phan Phúc T3 phải hoàn trả số tiền 4.776.350 đồng chi phí tố tụng cho bà Phan Thị Bạch M, liên đới chia mỗi người phải hoàn trả 1.592.100 đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Phan Thị Bạch M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Phan Thị Bạch M số tiền 9.666.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0002028 ngày 31/10/2014 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận.

- Ông Phan Minh T8; bà Phan Thị Mai D; ông Phan Minh H được miễn án phí. Hoàn trả cho bà Phan Thị Mai D số tiền đã nộp 200.000 đồng theo Biên lai thu số 0002034 ngày 04/12/2014; ông Phan Minh T8 số tiền đã nộp 200.000 đồng theo Biên lai thu số 0002035 ngày 04/12/2014; ông Phan Minh H số tiền đã nộp 200.000 đồng theo Biên lai thu số 0002036 ngày 04/12/2014 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận.

- Bà Phan Vũ Minh T2, Ông Phan Công T7, ông Phan Phúc T3; bà Phan Thị Hồng N2; ông Phan Minh H1; bà Phan Nguyễn Gia M2, ông Phan Minh K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức tương ứng với giá trị phần di sản được nhận, theo đó:

+ Bà Phan Vũ Minh T2, Ông Phan Công T7, ông Phan Phúc T3, mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 4.527.000 đồng.

+ Bà Phan Nguyễn Gia M2, ông Phan Minh K, mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 6.790.500 đồng;

- Do yêu cầu phản tố của bị đơn không được chấp nhận nên bà Phan Vũ Minh T2, Ông Phan Công T7, ông Phan Phúc T3 cùng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 200.000 đồng, được trừ vào số tiền 200.000 đồng ông Phan Minh Đ đã nộp theo biên thu tiền số 0002033 ngày 04/12/2014 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận. Ông Phan Minh H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 200.000 đồng được trừ vào số tiền 200.000 đồng đã nộp theo biên thu tiền số 0002037 cùng ngày 04/12/2014 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phan Minh T8, bà Phan Thị Mai D, ông Phan Minh H được miễn án phí. Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho ông Phan Minh T8, bà Phan Thị Mai D, ông Phan Minh H, mỗi người đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0015338, 0015337 và 0015336 ngày 28/4/2023 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- Cục THADS tỉnh Ninh Thuận;
- Đương sự;
- Lưu (An - Trúc).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Đinh Ngọc Thu Hương